| | |
|---|---|
| **CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **Số: 24.2026 /TB -TM** | *Tp.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2026* |

# THÔNG BÁO
## V/V Thanh lý máy móc thiết bị các loại bằng hình thức chào giá cạnh tranh.

- Công ty TNHH May Tân Mỹ ("Tân Mỹ") thông báo công khai việc thanh lý máy móc thiết bị các loại bằng hình thức chào giá cạnh tranh, chi tiết như sau:

**1. Tài sản thanh lý và giá khởi điểm**

Thông tin chi tiết về tài sản, vị trí để tài sản được mô tả cụ thể trong phụ lục đính kèm.

Hình thức thanh lý: Bán nguyên từng lô không tách rời.

Số lượng: 805 cái.

Giá khởi điểm: 3,100,000,000 VND.

Giá khởi điểm này theo hiện trạng của tài sản tại thời điểm bán, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) và các chi phí liên quan đến việc tháo dỡ, di dời tài sản và các chi phí khác (nếu có) khi thực hiện mua tài sản theo quy định của pháp luật, các chi phí này do người mua chi trả.

**2. Đối tượng không được phép tham gia.**

- Người không có hoặc người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình theo quy định của Bộ luật Dân sự.

- Các thành viên thuộc Hội Đồng thanh lý tài sản của Công ty và người thân của những người này, bao gồm: Cha ruột, mẹ ruột, cha vợ/chồng, mẹ vợ/chồng, con ruột, con nuôi, con dâu/rễ, anh/chị/em ruột, anh/chị/em dâu, anh/chị/em rễ.

**3. Điều kiện đăng ký tham gia chào giá:**

- Có Phiếu Chào Giá Cạnh tranh (lấy phiếu theo mẫu đính kèm văn bản này được đăng tải tại website công ty: https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/), ghi rõ giá trị chào giá cạnh tranh.

- Một hộ gia đình chỉ được một cá nhân tham gia chào giá; một tổ chức chỉ được một đơn vị tham gia chào giá; Các đối tượng tham gia chào giá phải thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ đăng ký tham gia chào giá, nộp tiền đặt cọc theo quy định.

**4. Nội dung chào giá cạnh tranh:**

- **Hình thức chào giá cạnh tranh:**

+ Bỏ giá một lần duy nhất bằng phiếu kín, ghi rõ giá mà người mua có nhu cầu mua. Người tham gia chỉ được trả giá bằng hoặc cao hơn giá thanh lý khởi điểm. Người trả giá cao nhất bằng hoặc trên giá khởi điểm là người trúng chào giá và được mua.

+ Nếu nhiều cá nhân/tổ chức cùng đăng ký với cùng một mức giá mua trúng thầu, Hội đồng thanh lý sẽ thông báo để các bên tiến hành bỏ giá các lần tiếp theo. Các cá nhân/ tổ chức tham gia chào giá ở lần tiếp theo sẽ phải trả giá cao hơn hoặc bằng mức giá đã chào trước đó. Nếu Cá nhân/ tổ chức này không tham gia chào giá ở lần tiếp theo sẽ không được hoàn lại số tiền đã đặt cọc.

+ Nếu người trả giá cao nhất bằng hoặc trên giá khởi điểm không đến Cty ký Hợp đồng trong vòng **02** ngày làm việc kể từ thời điểm Công ty có thông báo trúng chào giá thì quyền mua tài sản sẽ thuộc về người trả giá cao và trên khởi điểm sau liền kề và khi đó người trúng giá cáo nhất nhưng không mua sẽ không được hoàn lại số tiền đã đặt cọc.

Nếu người trúng giá đã ký hợp đồng mua bán với Công ty TNHH May Tân Mỹ nhưng sau **02** ngày kể từ khi hai bên đã ký hợp đồng mua bán mà không hoàn thành việc thanh toán 100% giá trị tiền mua hàng thanh lý theo hợp đồng thì sẽ mất quyền mua và sẽ không được hoàn lại số tiền đã đặt cọc (mục này sẽ là một điều khoản ghi trong hợp đồng mua bán) và Hợp đồng mua bán tài sản thanh lý sẽ mặc nhiên được chấm dứt.

- **Địa điểm xem hàng:**

  Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Phường Tân Thành, TP HCM..

- **Thời gian xem tài sản:**

+ Từ 8 giờ 30 phút đến 16g30, các ngày làm việc từ ngày 06/11/2026 đến ngày 03/12/2026 (trừ buổi chiều thứ Bảy và ngày Chủ nhật)

+ Người liên hệ: Anh Nguyễn Hưng Thịnh – Giám đốc nhà máy, số điện thoại 0913.964.999.

- **Đặt cọc:**

+ Người tham gia chào giá phải nộp tiền đặt cọc trước **20% trị giá khởi điểm của tài sản người mua gởi phiếu chào giá cạnh tranh,** tiền đặt cọc chào giá cho tài sản thanh lý nêu tại mục 1 nêu trên.

+ Thời gian nộp tiền đặt cọc: Từ 8 giờ 30 phút đến 15g, các ngày làm việc từ ngày 06/11/2026 đến ngày 04/12/2026, (trừ buổi chiều thứ Bảy và ngày Chủ nhật), liên hệ: Chị Huỳnh Thị Huệ – Kế toán trưởng, số điện thoại 0932 065 494. Hoặc chuyển khoản tiền đặt cọc theo thông tin sau đây:

+Người thụ hưởng: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY TÂN MỸ

+Số tài khoản: 008-1-00-1002740

+Tại ngân hàng: Ngoại Thương Bà Rịa – Vũng tàu, Phòng giao dịch số 3.

+ Nội dung chuyển khoản: Tên cá nhân/tổ chức _số giấy tờ pháp lý_ đặt cọc chào giá mua hàng thanh lý theo thông báo số <....> ngày <.....> của Công ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn.

+ Thư chào giá nào không kèm phiếu chuyển tiền đặt cọc hoặc số tiền đặt cọc ít hơn so với quy định thì được xem là không hợp lệ và Tân Mỹ được quyền loại bỏ thư chào giá đó.

+ Sau khi có thông báo trúng chào giá, trong vòng 06 ngày các tổ chức cá nhân không trúng sẽ được hoàn trả tiền cọc. Cá nhân/tổ chức không trúng chào giá, liên hệ công ty để nhận lại tiền đặt cọc hoặc cung cấp thông tin tài khoản nhận tiền đặt cọc đúng với thông tin của cá nhân/tổ chức tham gia chào giá để Công ty chuyển khoản hoàn trả tiền cọc.

- **Hình thức nhận hồ sơ:** Gửi trực tiếp tại trụ sở **Công ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn, địa chỉ số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường Gò Vấp, Tp.HCM** hoặc qua đường bưu điện, thời gian tính theo dấu của bưu điện. Hồ sơ chào giá được bỏ vào phong bì dán kín, trên bìa thư ghi rõ: Tham gia chào giá lô hàng theo thông báo số <....> gửi về quày tiếp tân **trước 15 giờ ngày 04/12/2026. Hồ sơ chào giá gồm:**

+ Phiếu chào giá cạnh tranh mua tài sản (theo mẫu đính kèm) có đầy đủ chữ ký, đóng dấu treo của công ty (nếu có).

+ Biên nhận thu tiền đặt cọc/phiếu chuyển tiền đặt cọc (bản sao).

+ Bản sao chứng thực CMND/CCCD/Hộ chiếu đối với cá nhân tham gia chào giá.

+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức tham gia chào giá, giấy ủy quyền của người ký phiếu chào giá trong trường hợp người ký phiếu chào giá không phải là người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

**5. Thời gian mở thư chào giá và công bố:**

- Hội đồng thanh lý tài sản của Garmex Sài Gòn sẽ mở thư chào giá và công bố người trúng chào giá vào lúc **11h00 ngày 05/12/2026**.

- Người trúng hoặc không trúng chào giá, Công ty sẽ gửi thư về địa chỉ hoặc email hoặc số điện thoại được cung cấp trên thư tham gia chào giá.

**6. Ký hợp đồng và thanh toán tiền mua tài sản:**

- Trong vòng **02** ngày làm việc kể từ ngày Công ty công bố kết quả chào giá cạnh tranh, người trúng chào giá phải đến trụ sở **Công ty Cổ Phần Garmex Sài Gòn, địa chỉ số 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường Gò Vấp, Tp.HCM** ký Hợp đồng và thanh toán toàn bộ số tiền theo Hợp đồng đã ký trong vòng **02** ngày làm việc tiếp theo vào tài khoản sau:

+Người thụ hưởng: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY TÂN MỸ

+Số tài khoản: 008-1-00-1002740

+Tại ngân hàng: Ngoại Thương Bà Rịa – Vũng tàu, Phòng giao dịch số 3.

- Nếu người trả giá cao nhất bằng hoặc trên giá khởi điểm không đến Garmex Sài Gòn ký Hợp đồng trong vòng **02** ngày làm việc kể từ thời điểm Garmex Sài Gòn có thông báo trúng chào giá thì quyền mua tài sản sẽ thuộc về người trả giá cao và trên khởi điểm sau liền kề và khi đó người trúng giá cao nhất nhưng không mua sẽ không được hoàn lại số tiền đã đặt cọc.

- Nếu người trúng giá đã ký hợp đồng mua bán với CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY TÂN MỸ nhưng sau 02 ngày làm việc kể từ khi hai bên đã ký hợp đồng mua bán mà không hoàn thành việc thanh toán 100% giá trị tiền mua hàng thanh lý theo hợp đồng thì sẽ mất quyền mua và sẽ không được hoàn lại số tiền đã đặt cọc (mục này sẽ là một điều khoản ghi trong hợp đồng mua bán) và Hợp đồng mua bán tài sản thanh lý sẽ mặc nhiên được chấm dứt.

**7. Thời gian bàn giao tài sản cho người trúng chào giá:**

- Trong vòng **05** ngày làm việc kể từ ngày người trúng chào giá ký Hợp đồng và thanh toán toàn bộ số tiền mua tài sản, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY TÂN MỸ sẽ bàn giao tài sản cho người trúng chào giá.

Trân trọng thông báo.

***Nơi nhận*:**
- HĐQT, BKS (B/c)
- Đăng Website công ty
- Lưu VT, HĐTL, Tân Mỹ

**Giám đốc**

M.S.D.N: 3500816433 - C.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY TÂN MỸ
TP.PHÚ MỸ - T.BÀ RỊA - VŨNG TÀU

**NGUYỄN HƯNG THỊNH**

CÔNG TY TNHH MAY TÂN MỸ

Đ/c: Cụm CN TTCN Hắc Dịch, KP Trảng Cát, P. Tân Thành

MST : 3500816433; ĐT 025 43945626

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

, ngày tháng năm 20

# PHIẾU CHÀO GIÁ CẠNH TRANH MUA TÀI SẢN THANH LÝ.

## Kính gửi: Công ty cổ phần Garmex Sài gòn.

Tên cá nhân/ tổ chức:

……..

Số giấy chứng thực của cá nhân/ Giấy chứng nhận ĐKDN của tổ chức:

……..

Số giấy chứng thực của cá nhân của người đại diện tổ chức:

……..

Địa chỉ:

……..

Số điện thoại: ……...

Tôi/ Chúng tôi đã đọc kỹ và hiểu rõ tất cả các thông tin liên quan đến việc thanh lý tài sản của Quý công ty thông qua hình thức chào giá cạnh tranh và trả giá mua các tài sản trên như sau:

Tài sản:……..

Với giá là: ……

(Bằng chữ: ……)

Tôi/ Chúng tôi cam kết nộp đủ số tiền mua tài sản thanh lý trong thời hạn mà công ty đã thông báo, tuân thủ các quy định về thanh lý tài sản của công ty và chịu trách nhiệm về các thông tin trong thư chào giá này.

**NGƯỜI THAM GIA CHÀO GIÁ (1)**

**<Ký tên, đóng dấu (nếu là tổ chức / doanh nghiệp>**

-

-

(1): (Nếu là tổ chức / doanh nghiệp: Người đại diện theo pháp luật của tổ chức ký tên. Nếu uỷ quyền thì phải kèm bản gốc văn bản uỷ quyền được công chứng/chứng thực.

# DANH SÁCH MÁY MÓC THIẾT BỊ CÁC LOẠI THANH LÝ CỦA CTY TNHH MAY TÂN MỸ.

VỊ TRÍ MÁY TẠI: Cụm CN, TTCN Hắc Dịch, Phường Tân Thành, TP HCM.

805

| STT | Thẻ kiểm kê | Tên máy | Nhóm tên máy | Model | Số seri | Năm sử dụng | Số lượng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1003-TM-20 | Máy cắt đầu bàn | Máy cắt đầu bàn | | | 5/1/2012 | 1 |
| 2 | 1011-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | TN-842A-003 | M4Z00575 | 7/2/2005 | 1 |
| 3 | 1015-TM-20 | Máy ép miệng bao | Ép miệng bao | 0 | 0 | 3/1/2011 | 1 |
| 4 | 1102-TM-20 | Máy khoan dấu (tự chế) | Thiết bị in rập, cắt rập, khoan rập, | 0 | 0 | 5/1/2020 | 1 |
| 5 | 1103-TM-20 | Máy khoan dấu (tự chế) | Thiết bị in rập, cắt rập, khoan rập, | 0 | 0 | 5/1/2020 | 1 |
| 6 | 1104-TM-20 | Máy khoan dấu (tự chế) | Thiết bị in rập, cắt rập, khoan rập, | 0 | 0 | 8/1/2020 | 1 |
| 7 | 1114-TM-22 | Máy bẻ kiếng | Phụ tùng ngành may ( bộ trợ lực; bộ | 0 | 0 | 1/1/2022 | 1 |
| 8 | 1297-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | H5Z84743 | 12/20/2005 | 1 |
| 9 | 1366-05 | Máy lập trình BROTHER (220X100)mm | Máy lập trình khổ 2210 | BAS-326G | L5134913 | 12/12/2005 | 1 |
| 10 | 1571-05 | Máy vắt sổ 2K5C JUKI | Máy vắt sổ 2K5C | MO-6716S | 8MOWE11523 | 12/20/2005 | 1 |
| 11 | 1572-05 | Máy lập trình BROTHER (220X100)mm | Máy lập trình khổ 2210 | BAS-326G | L5134916 | 12/12/2005 | 1 |
| 12 | 208-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70707958 | 11/11/2008 | 1 |
| 13 | 209-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70708402 | 11/11/2008 | 1 |
| 14 | 210-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70707957 | 11/11/2008 | 1 |
| 15 | 213-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70707048 | 11/11/2008 | 1 |
| 16 | 214-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70707953 | 11/12/2008 | 1 |
| 17 | 217-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70708422 | 11/12/2008 | 1 |
| 18 | 220-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70708407 | 11/12/2008 | 1 |
| 19 | 221-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70707960 | 11/12/2008 | 1 |
| 20 | 223-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70708414 | 11/13/2008 | 1 |
| 21 | 243-09 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 10567 | 3/26/2009 | 1 |
| 22 | 2472-09 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J W122-356/CH | 11743264 | 3/20/2009 | 1 |
| 23 | 256-09 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 12133 | 3/26/2009 | 1 |
| 24 | 2583-09 | Máy lập trình BROTHER khổ 1310 | Máy lập trình khổ 1310 | BAS-311G-02S | E8964801 | 9/5/2009 | 1 |
| 25 | 267-09 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 15201 | 3/26/2009 | 1 |
| 26 | 278-09 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 19151 | 3/26/2009 | 1 |
| 27 | 2915-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70707940 | 11/11/2008 | 1 |
| 28 | 300-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420B-003 | D4566217 | 10/1/2005 | 1 |
| 29 | 3097-05 | Máy ép keo băng tải SUMMIT khổ 400mm | Máy ép keo | SR-400 | M493053838 | 10/1/2005 | 1 |
| 30 | 344-08 | Bàn hút chân không OKAZAKE | Bàn hút chân không | OZ-250H | 344-08 | 10/18/2008 | 1 |
| 31 | 3541-10 | Máy đánh bông đầu nhỏ SHINGLING | Máy đánh bông đầu nhỏ | VG888S-356 | 264090811 | 1/18/2010 | 1 |
| 32 | 3576-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN94759 | 2/24/2010 | 1 |
| 33 | 3577-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN94757 | 2/24/2010 | 1 |
| 34 | 3579-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN94793 | 2/24/2010 | 1 |
| 35 | 3670-10 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODA14693 hộpdt GSODC01741 | 5/6/2010 | 1 |
| 36 | 3685-10 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODA14727 hộpdt GSODC01557 | 5/6/2010 | 1 |
| 37 | 371-09 | Máy cắt đầu bàn guang cherng | Máy cắt đầu bàn | 0 | 0 | 6/1/2009 | 1 |
| 38 | 3854-10 | Máy dập nút HOSHIMA | Máy dập nút | HO-808 | 1002646 | 6/24/2010 | 1 |
| 39 | 3921-10 | Máy 1 kim xén HIKARI | Máy 1 kim xén | H5200A | H100525066 | 6/24/2010 | 1 |
| 40 | 4052-10 | Máy 1 kim cào băng GOLDEN WHEEL (ô lớn) | Máy 1 kim viền cao băng | CS-6102 | 700991 | 10/4/2010 | 1 |
| 41 | 4123-10 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODE07149 Hộp đt GSODH08537 | 10/21/2010 | 1 |
| 42 | 4218-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07367 hộp GSODL10704 | 1/25/2011 | 1 |
| 43 | 4222-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODF04640 hộp GSODL10913 | 1/25/2011 | 1 |
| 44 | 4234-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODF04150 hộp GSODL11029 | 1/25/2011 | 1 |
| 45 | 4237-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODF04153 hộp GSODL11043 | 1/25/2011 | 1 |
| 46 | 4242-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODF04130 hộp GSODL11002 | 1/25/2011 | 1 |
| 47 | 4262-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07219 Hộp Đt GSODL06893 | 2/18/2011 | 1 |
| 48 | 4273-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07073 Hộp Đt GSODL06718 | 2/18/2011 | 1 |
| 49 | 4334-11 | Máy lập trình BROTHER (220X100)mm | Máy lập trình khổ 2210 | BAS-326G | AO862056 hộp LODAC816I+ BLT GOD | 3/10/2011 | 1 |
| 50 | 4418-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL06965 hộp GSODJ03017 | 5/7/2011 | 1 |
| 51 | 4424-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07029 hộp GSODJ02943 | 5/7/2011 | 1 |
| 52 | 4426-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07022 hộp GSODJ02932 | 5/7/2011 | 1 |
| 53 | 4427-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL06548 hộp GSODJ02930 | 5/7/2011 | 1 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 54 | 4459-11 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 21050073 | 6/8/2011 | 1 |
| 55 | 4510-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109848 | 6/14/2011 | 1 |
| 56 | 4520-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109834 | 6/14/2011 | 1 |
| 57 | 4521-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109854 | 6/14/2011 | 1 |
| 58 | 4522-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109855 | 6/14/2011 | 1 |
| 59 | 4523-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109800 | 6/14/2011 | 1 |
| 60 | 4527-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109803 | 6/14/2011 | 1 |
| 61 | 4539-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109818 | 6/14/2011 | 1 |
| 62 | 4705-11 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 210800669 | 11/30/2011 | 1 |
| 63 | 4707-11 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 210800668 | 11/30/2011 | 1 |
| 64 | 4729-11 | Máy vắt sổ 2K5C K-CHANCE | Máy vắt sổ 2K5C | V-205 | 996488 | 12/13/2011 | 1 |
| 65 | 4822-12 | Bàn hút chân không YASIMA | Bàn hút chân không | YSM-1580 | YASIMA3 | 3/13/2012 | 1 |
| 66 | 4824-12 | Bàn hút chân không YASIMA | Bàn hút chân không | YSM-1580 | YASIMA5 | 3/13/2012 | 1 |
| 67 | 4825-12 | Bàn hút chân không YASIMA | Bàn hút chân không | YSM-1580 | YASIMA6 | 3/13/2012 | 1 |
| 68 | 4860-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2114933 | 3/14/2012 | 1 |
| 69 | 4881-12 | Máy 1 kim chân vịt bước ( viền cào ) Hikari | Máy 1 kim viền cao băng | H-628-II | H110822033 | 3/27/2012 | 1 |
| 70 | 4882-12 | Máy 1 kim chân vịt bước ( viền cào ) Hikari | Máy 1 kim viền cao băng | H-628-II | H110622019 | 3/27/2012 | 1 |
| 71 | 4883-12 | Máy 1 kim chân vịt bước ( viền cào ) Hikari | Máy 1 kim viền cao băng | H-628-II | H110822030 | 3/27/2012 | 1 |
| 72 | 4892-12 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8120924 | 3/29/2012 | 1 |
| 73 | 4893-12 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8120925 | 3/29/2012 | 1 |
| 74 | 4895-12 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8120933 | 3/29/2012 | 1 |
| 75 | 4899-12 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8120937 | 3/29/2012 | 1 |
| 76 | 4900-12 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8120938 | 3/29/2012 | 1 |
| 77 | 4908-12 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8120946 | 3/29/2012 | 1 |
| 78 | 4920-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2120223 | 4/2/2012 | 1 |
| 79 | 501-QN | Máy 2 kim di động ổ lớn BROTHER | Máy 2 kim | T-8450C-003 | A3H74027 | 8/1/2013 | 1 |
| 80 | 503-TM-19 | Máy giặt | Thiết bị giặt, sấy | 0 | 4930771 | 10/1/2018 | 1 |
| 81 | 5041-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | H1H75776 hộpđt J1SL30104 | 4/23/2012 | 1 |
| 82 | 5044-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H87872 hộpđt K1SL39415 | 4/23/2012 | 1 |
| 83 | 5062-12 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 2109000135 | 5/12/2012 | 1 |
| 84 | 5219-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | J1H80301 HĐT K1SL37567 | 6/4/2012 | 1 |
| 85 | 5437-12 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 220400017 | 12/18/2012 | 1 |
| 86 | 5439-12 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 220400041 | 12/18/2012 | 1 |
| 87 | 5451-12 | Máy lập trình BROTHER (220X100)mm | Máy lập trình khổ 2210 | BAS-326G | C1982857-hđt SJ63705 | 11/12/2012 | 1 |
| 88 | 54-TM-19 | Máy giặt LG WD-13900 | Thiết bị giặt, sấy | WD-13900 | | 5/13/2013 | 1 |
| 89 | 5539-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | GA07689 hộpOGA05377 | 4/5/2013 | 1 |
| 90 | 5548-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | GA07935 hộpOGA02218 | 4/5/2013 | 1 |
| 91 | 5551-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | GA07963 hộpOGA02250 | 4/5/2013 | 1 |
| 92 | 5554-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | GA08034 hộpOGA05373 | 4/5/2013 | 1 |
| 93 | 5559-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | GA08135 hộpOGA05337 | 4/5/2013 | 1 |
| 94 | 5618-13 | Máy cắt đầu bàn HIKARI | Máy cắt đầu bàn | HI-9866 | 1212014 | 5/14/2013 | 1 |
| 95 | 5619-13 | Máy cắt đầu bàn HIKARI | Máy cắt đầu bàn | HI-9866 | 1212024 | 5/14/2013 | 1 |
| 96 | 5636-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 117788 | 5/16/2013 | 1 |
| 97 | 5644-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 118319 | 5/16/2013 | 1 |
| 98 | 5649-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 118353 | 5/16/2013 | 1 |
| 99 | 5667-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 119135 | 5/16/2013 | 1 |
| 100 | 5669-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 119150 | 5/16/2013 | 1 |
| 101 | 5670-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 119152 | 5/16/2013 | 1 |
| 102 | 5672-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 119157 | 5/16/2013 | 1 |
| 103 | 5674-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 119516 | 5/16/2013 | 1 |
| 104 | 6163-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 08057-hđt01872 | 6/10/2013 | 1 |
| 105 | 6175-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 09842-hđt01784 | 6/10/2013 | 1 |
| 106 | 6184-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 09909-hđt01841 | 6/10/2013 | 1 |
| 107 | 6230-13 | Máy đánh bông đầu nhỏ SHINGLING | Máy đánh bông đầu nhỏ | AC-AR-888S-356 | 297391221 | 7/10/2013 | 1 |
| 108 | 6301-13 | Máy lập trình BROTHER (220X100)mm | Máy lập trình khổ 2210 | BAS-326G | D1980205 | 9/19/2013 | 1 |
| 109 | 6348-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liền trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13517 hđt GSOGG05488 | 9/19/2013 | 1 |
| 110 | 6352-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liền trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13530 hđt GSOGG02191 | 9/19/2013 | 1 |
| 111 | 6376-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liền trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13759 hđt GSOGG02050 | 9/19/2013 | 1 |
| 112 | 6433-13 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8135008 | 12/9/2013 | 1 |
| 113 | 6449-13 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8135086 | 12/9/2013 | 1 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 114 | 645-01 | Máy 1 kim xén JUKI | Máy 1 kim xén | DLMD5200N | A38604 | 1/1/2001 | 1 |
| 115 | 6467-13 | Máy 2 kim di động TYPICAL | Máy 2 kim | GC9450H | 220630002 | 12/12/2013 | 1 |
| 116 | 648-01 | Máy 1 kim xén JUKI | Máy 1 kim xén | DLMD5200N | J46527 | 1/1/2001 | 1 |
| 117 | 6512-13 | Máy lập trình khô 2210 Hikari | Máy lập trình khô 2210 | HMS-2210G-01A | 131121412 | 12/19/2013 | 1 |
| 118 | 6517-13 | Máy lập trình khô 2210 Hikari | Máy lập trình khô 2210 | HMS-2210G-01A | 131127100 | 12/19/2013 | 1 |
| 119 | 6518-13 | Máy lập trình khô 2210 Hikari | Máy lập trình khô 2210 | HMS-2210G-01A | 131121411 | 12/19/2013 | 1 |
| 120 | 6538-14 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8133101 | 1/17/2014 | 1 |
| 121 | 6540-14 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8133108 | 1/17/2014 | 1 |
| 122 | 6542-14 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8133915 | 1/17/2014 | 1 |
| 123 | 6546-14 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8135075 | 1/17/2014 | 1 |
| 124 | 6570-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGL05026 | 2/14/2014 | 1 |
| 125 | 6579-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGL05050 | 2/14/2014 | 1 |
| 126 | 6581-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGL05053 | 2/14/2014 | 1 |
| 127 | 6585-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGL05058 | 2/14/2014 | 1 |
| 128 | 6613-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGL05175 | 2/14/2014 | 1 |
| 129 | 6619-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGL05182 | 2/14/2014 | 1 |
| 130 | 6649-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGL05268 | 2/14/2014 | 1 |
| 131 | 6663-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGL05302 | 2/14/2014 | 1 |
| 132 | 6664-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGL05303 | 2/14/2014 | 1 |
| 133 | 6665-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGL05304 | 2/14/2014 | 1 |
| 134 | 6677-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGL05366 | 2/14/2014 | 1 |
| 135 | 6695-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGL05189 | 2/14/2014 | 1 |
| 136 | 6739-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | M3Z57519 | 2/15/2014 | 1 |
| 137 | 6741-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | M3Z57522 | 2/15/2014 | 1 |
| 138 | 6747-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | M3Z57531 | 2/15/2014 | 1 |
| 139 | 6749-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | M3Z57534 | 2/15/2014 | 1 |
| 140 | 6750-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | M3Z57535 | 2/15/2014 | 1 |
| 141 | 6753-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | L3Z44787 | 2/15/2014 | 1 |
| 142 | 6758-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | L3Z44795 | 2/15/2014 | 1 |
| 143 | 6792-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133010 | 2/15/2014 | 1 |
| 144 | 6798-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133040 | 2/15/2014 | 1 |
| 145 | 6811-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133076 | 2/15/2014 | 1 |
| 146 | 6817-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133109 | 2/15/2014 | 1 |
| 147 | 6830-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133137 | 2/15/2014 | 1 |
| 148 | 6836-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133148 | 2/15/2014 | 1 |
| 149 | 6987-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHA14181 | 4/17/2014 | 1 |
| 150 | 6991-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHA14200 | 4/17/2014 | 1 |
| 151 | 6998-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHA14231 | 4/17/2014 | 1 |
| 152 | 7001-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHA14256 | 4/17/2014 | 1 |
| 153 | 7004-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHA14263 | 4/17/2014 | 1 |
| 154 | 7011-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHA14293 | 4/17/2014 | 1 |
| 155 | 7031-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHA14454 | 4/17/2014 | 1 |
| 156 | 7072-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135004 | 5/26/2014 | 1 |
| 157 | 7168-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | B4Z79448 | 5/28/2014 | 1 |
| 158 | 7186-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T-8450C-003 | C4Z87833 | 5/28/2014 | 1 |
| 159 | 7197-14 | Máy khuy thăng JUKI | Máy khuy băng ( thăng) | LBH-781U | 8LOFB11305 | 5/28/2014 | 1 |
| 160 | 7198-14 | Máy khuy thăng JUKI | Máy khuy băng ( thăng) | LBH-781U | 8LOGE11043 | 5/28/2014 | 1 |
| 161 | 7287-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 230300449 | 6/17/2014 | 1 |
| 162 | 7296-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 230900468 | 6/17/2014 | 1 |
| 163 | 7300-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 230900484 | 6/17/2014 | 1 |
| 164 | 7301-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 230900485 | 6/17/2014 | 1 |
| 165 | 7304-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240100003 | 6/17/2014 | 1 |
| 166 | 7306-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240100006 | 6/17/2014 | 1 |
| 167 | 7308-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240100008 | 6/17/2014 | 1 |
| 168 | 7313-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240100016 | 6/17/2014 | 1 |
| 169 | 7314-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240100017 | 6/17/2014 | 1 |
| 170 | 7315-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240100019 | 6/17/2014 | 1 |
| 171 | 7466-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | C4Z87841 | 12/23/2014 | 1 |
| 172 | 7467-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | D4Z99840 | 12/23/2014 | 1 |
| 173 | 7472-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | F3Z57658 | 12/23/2014 | 1 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 174 | 7474-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | F3Z57662 | 12/23/2014 | 1 |
| 175 | 7481-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | H4Z35573 | 12/23/2014 | 1 |
| 176 | 7484-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | J3Z08603 | 12/23/2014 | 1 |
| 177 | 7485-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | J3Z08607 | 12/23/2014 | 1 |
| 178 | 7487-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | J3Z08609 | 12/23/2014 | 1 |
| 179 | 7488-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | J3Z08610 | 12/23/2014 | 1 |
| 180 | 7492-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | J3Z08631 | 12/23/2014 | 1 |
| 181 | 7493-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | J3Z08633 | 12/23/2014 | 1 |
| 182 | 7505-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | H4Z34437 | 12/23/2014 | 1 |
| 183 | 7510-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | J4Z15617 | 12/23/2014 | 1 |
| 184 | 7514-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | J4Z43686 | 12/23/2014 | 1 |
| 185 | 7515-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | J4Z43688 | 12/23/2014 | 1 |
| 186 | 7517-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | J4Z43693 | 12/23/2014 | 1 |
| 187 | 7528-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | J4Z43713 | 12/23/2014 | 1 |
| 188 | 7530-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | J4Z43721 | 12/23/2014 | 1 |
| 189 | 7538-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liền trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGA21721 hđt GA05354 | 12/23/2014 | 1 |
| 190 | 7547-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liền trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGA21861 hđt GA04039 | 12/23/2014 | 1 |
| 191 | 7569-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liền trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHF10375 | 12/23/2014 | 1 |
| 192 | 7571-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liền trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHF10398 | 12/23/2014 | 1 |
| 193 | 7572-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liền trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHF10416 | 12/23/2014 | 1 |
| 194 | 7575-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liền trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHF10436 | 12/23/2014 | 1 |
| 195 | 8087-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 8087-15 | 8/1/2015 | 1 |
| 196 | 6606-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liền trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGL05158 | 2/14/2014 | 1 |
| 197 | 6848-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133165 | 2/15/2014 | 1 |
| 198 | 1112-TM-21 | Xe nâng chuyển máy may | Thiết bị nâng hạ ( xe nâng, thang nâ | 0 | 0 | 8/1/2017 | 1 |
| 199 | 1008-TM-20 | Máy cắt đầu bàn Hikari | Máy cắt đầu bàn | 0 | 0 | 6/1/2014 | 1 |
| 200 | 10194-22 | Máy đếm nhựa | Phụ tùng ngành may ( bộ trợ lực; bộ | 0 | 0 | 12/1/2022 | 1 |
| 201 | 1041-05 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CH | 1785551 | 2/18/2005 | 1 |
| 202 | 1047-TM-20 | Xe nâng tay Pallet | Thiết bị nâng hạ ( xe nâng, thang nâ | 0 | 0 | 2/1/2018 | 1 |
| 203 | 1048-05 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CH | 0178378CO | 2/18/2005 | 1 |
| 204 | 1050-05 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CH | 0179352YO | 2/18/2005 | 1 |
| 205 | 1059-05 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CH | 2185122Y | 2/18/2005 | 1 |
| 206 | 105-TM-19 | Máy 1 kim điện tử | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7WB | 4DOGA16443 | 5/1/2008 | 1 |
| 207 | 1060-05 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CH | 2185547PO | 2/18/2005 | 1 |
| 208 | 1060-TM-20 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 0 | 5/1/2010 | 1 |
| 209 | 1113-TM-21 | Xe nâng chuyển máy may | Thiết bị nâng hạ ( xe nâng, thang nâ | 0 | 0 | 1/1/2016 | 1 |
| 210 | 204-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70707946 | 11/11/2008 | 1 |
| 211 | 205-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70708411 | 11/11/2008 | 1 |
| 212 | 206-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70707935 | 11/11/2008 | 1 |
| 213 | 211-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70904835 | 11/11/2008 | 1 |
| 214 | 215-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70708410 | 11/12/2008 | 1 |
| 215 | 216-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70708401 | 11/12/2008 | 1 |
| 216 | 219-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70707934 | 11/12/2008 | 1 |
| 217 | 2312-07 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CH | 15162476 | 4/25/2007 | 1 |
| 218 | 2314-07 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CH | 15162546 | 4/25/2007 | 1 |
| 219 | 2320-07 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CH | 15162464 | 4/25/2007 | 1 |
| 220 | 2327-07 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CH | 15162542 | 4/25/2007 | 1 |
| 221 | 2332-07 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CH | 15162536 | 4/25/2007 | 1 |
| 222 | 2335-07 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CH | 15162555 | 4/25/2007 | 1 |
| 223 | 2336-07 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CH | 15162458 | 4/25/2007 | 1 |
| 224 | 2480-09 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J W122-356/CH | 16178930J | 3/20/2009 | 1 |
| 225 | 248-09 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 11944 | 3/26/2009 | 1 |
| 226 | 2485-09 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J W122-356/CH | 16179648J | 3/20/2009 | 1 |
| 227 | 2490-09 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J W122-356/CH | 16272590X | 3/20/2009 | 1 |
| 228 | 2501-09 | Máy đánh bông 3K5C Siruba | Máy đánh bông 3K5C | 0 | 16272772 | 3/20/2009 | 1 |
| 229 | 261-09 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 12173 | 3/26/2009 | 1 |
| 230 | 262-09 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 12177 | 3/26/2009 | 1 |
| 231 | 274-09 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 15489 | 3/26/2009 | 1 |
| 232 | 2916-08 | Máy 1 kim điện tử SUNSTAR | Máy 1 kim điện tử | KM-250A-7S | 70707955 | 11/11/2008 | 1 |
| 233 | 2921-09 | Máy cắt đầu bàn HIKARI | Máy cắt đầu bàn | HI-9866 | 0910047 | 12/22/2009 | 1 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 234 | 3130-02 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007 | 4177339 | 11/1/2002 | 1 |
| 235 | 3568-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN94740 | 2/24/2010 | 1 |
| 236 | 3571-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN94738 | 2/24/2010 | 1 |
| 237 | 3573-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN94749 | 2/24/2010 | 1 |
| 238 | 3578-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN94795 | 2/24/2010 | 1 |
| 239 | 3631-10 | Máy cắt di động 8 inch KM | Máy cắt di động | KM-KS-AUV-8" | 3631-10 | 3/20/2010 | 1 |
| 240 | 3673-10 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODA14695 hôpdt GSODC01753 | 5/6/2010 | 1 |
| 241 | 3688-10 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODA14692 hôpdt GSODC01757 | 5/6/2010 | 1 |
| 242 | 3891-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN98224 | 6/18/2010 | 1 |
| 243 | 3918-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN98259 | 6/18/2010 | 1 |
| 244 | 4032-10 | Máy dập nút HOSHIMA | Máy dập nút | HO-808 | 1007023 | 9/20/2010 | 1 |
| 245 | 4118-10 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODE07067 Hộp đt GSODH08549 | 10/21/2010 | 1 |
| 246 | 4124-10 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODE07307 Hộp đt GSODH08340 | 10/21/2010 | 1 |
| 247 | 4125-10 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODE07062 Hộp đt GSODH08000 | 10/21/2010 | 1 |
| 248 | 4214-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODF04638 hộp GSODL10703 | 1/25/2011 | 1 |
| 249 | 4220-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07241 hộp GSODL10678 | 1/25/2011 | 1 |
| 250 | 4226-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07235 hộp GSODL10491 | 1/25/2011 | 1 |
| 251 | 4232-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07414 hộp GSODL11016 | 1/25/2011 | 1 |
| 252 | 4236-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODF04311 hộp GSODL11031 | 1/25/2011 | 1 |
| 253 | 4243-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODF04349 hộp GSODL11051 | 1/25/2011 | 1 |
| 254 | 4257-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07053 Hộp Đt GSODL06704 | 2/18/2011 | 1 |
| 255 | 4265-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07230 Hộp Đt GSODL06666 | 2/18/2011 | 1 |
| 256 | 4266-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07222 Hộp Đt GSODL06844 | 2/18/2011 | 1 |
| 257 | 427-09 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA trợ lực | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356 | 4179553 | 4/2/2009 | 1 |
| 258 | 4271-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07050 Hộp Đt GSODL06695 | 2/18/2011 | 1 |
| 259 | 4274-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07056 Hộp Đt GSODL06682 | 2/18/2011 | 1 |
| 260 | 4357-11 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 20120387 | 4/19/2011 | 1 |
| 261 | 4378-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL06754 hộp GSODL10834 | 4/19/2011 | 1 |
| 262 | 4414-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07019 hộp GSODJ03016 | 5/7/2011 | 1 |
| 263 | 4419-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODL07009 hộp GSODJ02931 | 5/7/2011 | 1 |
| 264 | 4458-11 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 21050063 | 6/8/2011 | 1 |
| 265 | 4524-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109782 | 6/14/2011 | 1 |
| 266 | 4528-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109846 | 6/14/2011 | 1 |
| 267 | 4532-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109794 | 6/14/2011 | 1 |
| 268 | 4533-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109815 | 6/14/2011 | 1 |
| 269 | 5060-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H88174 hôpdt K1SL38209 | 4/23/2012 | 1 |
| 270 | 5175-12 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | C007 | TN109722 | 5/30/2012 | 1 |
| 271 | 5217-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | J1H80280 HĐT K1SL37561 | 6/4/2012 | 1 |
| 272 | 5228-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | J1H82966 HĐT K1SL38238 | 6/4/2012 | 1 |
| 273 | 5536-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | GA07653 hôpOGA01747 | 4/5/2013 | 1 |
| 274 | 5537-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | GA07663 hôpOGA01462 | 4/5/2013 | 1 |
| 275 | 5542-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | GA07710 hôpOGA01523 | 4/5/2013 | 1 |
| 276 | 5566-13 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007K-W122-356 | 25287779 | 4/17/2013 | 1 |
| 277 | 5572-13 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007K-W122-356 | 25288075 | 4/17/2013 | 1 |
| 278 | 5637-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 117789 | 5/16/2013 | 1 |
| 279 | 5650-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 118357 | 5/16/2013 | 1 |
| 280 | 5657-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 118384 | 5/16/2013 | 1 |
| 281 | 5661-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 119120 | 5/16/2013 | 1 |
| 282 | 5662-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 119122 | 5/16/2013 | 1 |
| 283 | 5663-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 119129 | 5/16/2013 | 1 |
| 284 | 5673-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 119158 | 5/16/2013 | 1 |
| 285 | 6156-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 07678-hdt01859 | 6/10/2013 | 1 |
| 286 | 6158-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 07863-hdt01244 | 6/10/2013 | 1 |
| 287 | 6168-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 08237-hdt08293 | 6/10/2013 | 1 |
| 288 | 6180-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 09870-hdt01866 | 6/10/2013 | 1 |
| 289 | 6182-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 09896-hdt01876 | 6/10/2013 | 1 |
| 290 | 6183-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 09899-hdt01856 | 6/10/2013 | 1 |
| 291 | 6185-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 09938-hdt01858 | 6/10/2013 | 1 |
| 292 | 6186-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 4DOGA09946-hdt01199 | 6/10/2013 | 1 |
| 293 | 6187-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 09949-hdt01842 | 6/10/2013 | 1 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 294 | 6196-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 10056-hdt01860 | 6/10/2013 | 1 |
| 295 | 6197-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 10059-hdt01877 | 6/10/2013 | 1 |
| 296 | 6201-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 10132-hdt01879 | 6/10/2013 | 1 |
| 297 | 6240-13 | Bàn hút chân không NISHO | Bàn hút chân không | NH-1580BJ | 12ST0288 | 7/8/2013 | 1 |
| 298 | 6302-13 | Máy lập trình BROTHER (220X100)mm | Máy lập trình khổ 2210 | BAS-326G | C1982556 | 9/19/2013 | 1 |
| 299 | 6343-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13292 hdt GSOGG01150 | 9/19/2013 | 1 |
| 300 | 6344-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13295 hdt GSOGG01189 | 9/19/2013 | 1 |
| 301 | 6345-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13332 hdt GSOGG06226 | 9/19/2013 | 1 |
| 302 | 6346-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13333 hdt GSOGG06154 | 9/19/2013 | 1 |
| 303 | 6351-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13527 hdt GSOGG02035 | 9/19/2013 | 1 |
| 304 | 6356-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13538 hdt GSOGG05394 | 9/19/2013 | 1 |
| 305 | 6357-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13563 hdt GSOGG05286 | 9/19/2013 | 1 |
| 306 | 6358-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13564 hdt GSOGG02154 | 9/19/2013 | 1 |
| 307 | 6359-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13565 hdt GSOGG05281 | 9/19/2013 | 1 |
| 308 | 6360-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13569 hdt GSOGG05285 | 9/19/2013 | 1 |
| 309 | 6362-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13689 hdt GSOGG02001 | 9/19/2013 | 1 |
| 310 | 6363-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13700 hdt GSOGG05232 | 9/19/2013 | 1 |
| 311 | 6364-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13707 hdt GSOGG05431 | 9/19/2013 | 1 |
| 312 | 6366-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13725 hdt GSOGG02141 | 9/19/2013 | 1 |
| 313 | 6368-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13731 hdt GSOGG05469 | 9/19/2013 | 1 |
| 314 | 6369-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13743 hdt GSOGG05500 | 9/19/2013 | 1 |
| 315 | 6370-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13744 hdt GSOGG02157 | 9/19/2013 | 1 |
| 316 | 6371-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13747 hdt GSOGG02222 | 9/19/2013 | 1 |
| 317 | 6372-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13748 hdt GSOGG02108 | 9/19/2013 | 1 |
| 318 | 6373-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13750 hdt GSOGG02165 | 9/19/2013 | 1 |
| 319 | 6374-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13755 hdt GSOGG05290 | 9/19/2013 | 1 |
| 320 | 6375-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13757 hdt GSOGG05383 | 9/19/2013 | 1 |
| 321 | 6377-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13761 hdt GSOGG02182 | 9/19/2013 | 1 |
| 322 | 6379-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13763 hdt GSOGG02004 | 9/19/2013 | 1 |
| 323 | 6380-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13766 hdt GSOGG02164 | 9/19/2013 | 1 |
| 324 | 6381-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13768 hdt GSOGG05458 | 9/19/2013 | 1 |
| 325 | 6382-13 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700AS-7WBK | 4DOGG13770 hdt GSOGG05432 | 9/19/2013 | 1 |
| 326 | 6432-13 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8135006 | 12/9/2013 | 1 |
| 327 | 6441-13 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8135043 | 12/9/2013 | 1 |
| 328 | 6472-13 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 6923070192 | 12/12/2013 | 1 |
| 329 | 6509-13 | Máy lập trình khổ 2210 Hikari | Máy lập trình khổ 2210 | HMS-2210G-01A | 130201060 | 12/19/2013 | 1 |
| 330 | 6533-14 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8133081 | 1/17/2014 | 1 |
| 331 | 7223-14 | Xe nâng điện ngồi lái NICHIYU | Thiết bị nâng hạ ( xe nâng, thang nâ | FB9PN-70D-300 | 221AC0470 | 6/10/2014 | 1 |
| 332 | 7224-14 | Máy cắt di động 10 inch KM | Máy cắt di động | KM-KS-AUV-10" | 122192S | 6/3/2014 | 1 |
| 333 | 3946-99 | Máy hút chỉ COKIMA | Máy hút Chỉ, Down | CHINGHORNG | HCJ-1 | 1/1/1999 | 1 |
| 334 | 7038-14 | Máy hút chỉ SALOON | Máy hút Chỉ, Down | SL-TCM-180 | 7038-14 | 5/3/2014 | 1 |
| 335 | 3-AN-19 | Máy đóng móc quần | Máy dập nút | 0 | 0 | | 1 |
| 336 | 4-AN-19 | Máy đóng móc quần | Máy dập nút | 0 | 0 | | 1 |
| 337 | 38-AN-19 | MÁY HÚT CHỈ | Máy hút Chỉ, Down | 0 | 0 | 12/1/1998 | 1 |
| 338 | 39-AN-19 | MÁY HÚT CHỈ | Máy hút Chỉ, Down | 0 | 0 | 12/1/1998 | 1 |
| 339 | 41-AN-19 | MÁY ÉP MIỆNG BAO TÂN THANH | Ép miệng bao | 0 | 0 | | 1 |
| 340 | 1014-TM-20 | Máy ép miệng bao | Ép miệng bao | 0 | 0 | 3/1/2009 | 1 |
| 341 | 260-TM-19 | Máy ép miệng bao | Ép miệng bao | 0 | 0 | 3/1/2010 | 1 |
| 342 | 1510-05 | Máy vắt sổ 2K4C SIRUBA | Máy vắt sổ 2K4C | 747F-514M2-24 | 10120212 | 11/15/2005 | 1 |
| 343 | 1512-05 | Máy vắt sổ 2K4C SIRUBA | Máy vắt sổ 2K4C | 747F-514M2-24 | 10120502 | 11/15/2005 | 1 |
| 344 | 1522-05 | Máy vắt sổ 2K4C SIRUBA | Máy vắt sổ 2K4C | 747F-514M2-24 | 10169192 | 11/15/2005 | 1 |
| 345 | 1082-04 | Máy vắt sổ 2K4C | Máy vắt sổ 2K4C | 747F-514M2-24 | 0072978 | | 1 |
| 346 | 1104-05 | Máy vắt sổ 2K4C SIRUBA | Máy vắt sổ 2K4C | 747F-514M2-24 | 0032305LK | 2/18/2005 | 1 |
| 347 | 1107-05 | Máy vắt sổ 2K4C SIRUBA | Máy vắt sổ 2K4C | 747F-514M2-24 | | 2/18/2005 | 1 |
| 348 | 1490-05 | Máy vắt sổ 2K4C SIRUBA | Máy vắt sổ 2K4C | 747F-514M2-24 | 10123062 | 10/24/2005 | 1 |
| 349 | 1509-05 | Máy vắt sổ 2K4C SIRUBA | Máy vắt sổ 2K4C | 747F-514M2-24 | 10136272 | 10/24/2005 | 1 |
| 350 | 1524-05 | Máy vắt sổ 2K4C SIRUBA | Máy vắt sổ 2K4C | 747F-514M2-24 | 10169922 | 11/15/2005 | 1 |
| 351 | 1115-05 | Máy vắt sổ 2K4C SIRUBA | Máy vắt sổ 2K4C | 747F-514M2-24 | 7113292LK | 2/18/2005 | 1 |
| 352 | 6876-14 | Máy vắt sổ 2K4C SIRUBA | Máy vắt sổ 2K4C | 747K-514M2-24 | 25051397 | 4/4/2014 | 1 |
| 353 | 517-05 | Máy vắt sổ 2K5C SIRUBA | Máy vắt sổ 2K5C | 757F-516M2-35 | 0032969 | 8/3/2005 | 1 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 354 | 4618-02 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA trợ lực | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356 | 4179504 | 10/31/2002 | 1 |
| 355 | 1478-05 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA trợ lực | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CL | 11733824 | 10/24/2005 | 1 |
| 356 | 1480-05 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA trợ lực | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CL | 11733924 | 10/24/2005 | 1 |
| 357 | 1481-05 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA trợ lực | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CL | 11734044 | 10/24/2005 | 1 |
| 358 | 4644-11 | Máy cắt lôn cổ TSO TA ( kèm bộ khuôn dao) | Máy ép lôn | CP-313AX | 100055 | 10/13/2011 | 1 |
| 359 | 3584-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN94746 | 2/24/2010 | 1 |
| 360 | 3914-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN98222 | 6/18/2010 | 1 |
| 361 | 7071-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135003 | 5/26/2014 | 1 |
| 362 | 3594-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN94736 | 2/24/2010 | 1 |
| 363 | 4483-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109817 | 6/14/2011 | 1 |
| 364 | 4491-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109785 | 6/14/2011 | 1 |
| 365 | 2571-09 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN87267 | 4/14/2009 | 1 |
| 366 | 6801-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133045 | 2/15/2014 | 1 |
| 367 | 2563-09 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN87293 | 4/14/2009 | 1 |
| 368 | 471-09 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN87169 | 4/14/2009 | 1 |
| 369 | 6806-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133063 | 2/15/2014 | 1 |
| 370 | 6845-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133162 | 2/15/2014 | 1 |
| 371 | 5687-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 118372 | 5/16/2013 | 1 |
| 372 | 7126-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135097 | 5/26/2014 | 1 |
| 373 | 2567-09 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN87429 | 4/14/2009 | 1 |
| 374 | 7098-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135050 | 5/26/2014 | 1 |
| 375 | 7125-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135095 | 5/26/2014 | 1 |
| 376 | 4515-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109723 | 6/14/2011 | 1 |
| 377 | 3919-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN98217 | 6/18/2010 | 1 |
| 378 | 2163-06 | Bàn hút chân không không gối FINISHING | Bàn hút chân không | CH-808 | KO SO(bị trùng)2163 | 3/10/2006 | 1 |
| 379 | 2164-06 | Bàn hút chân không không gối CHINGHORNG | Bàn hút chân không | CH-808 | | 3/10/2006 | 1 |
| 380 | 1120-05 | Bàn hút chân không FINISHING BOARD có gối | Bàn hút chân không | CH-809A | 250405HPT-04 | 5/6/2005 | 1 |
| 381 | 1126-05 | bàn hút chân không CHINGHRONG | Bàn hút chân không | CH-809A | 250405HPT-10 | 5/6/2005 | 1 |
| 382 | 3314-04 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-5550N-7 | 2DOWA01829 | 4/1/2004 | 1 |
| 383 | 982-1 | Máy 1 kim xén JUKI | Máy 1 kim xén | DLM-5200ND | 2D2YB00151 | 8/1/2005 | 1 |
| 384 | 642-01 | Máy 1 kim xén JUKI | Máy 1 kim xén | DLMD5200N | DLMDL47410 | 1/1/2001 | 1 |
| 385 | 339-00 | Bàn hút chân không NAOMOTO | Bàn hút chân không | FB-700 | 9803064 | 1/1/2000 | 1 |
| 386 | 76-AN-19 | Bàn hút chân không FOCUS | Bàn hút chân không | FC-809A | 0 | 1/1/2012 | 1 |
| 387 | 347-00 | Bàn hút chân không FIBLON | Bàn hút chân không | FIBLON | 347-00 | 1/1/2000 | 1 |
| 388 | 7426-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240800010 | 9/10/2014 | 1 |
| 389 | 5179-12 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 210800643 | 5/25/2012 | 1 |
| 390 | 2688-09 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 281100282 | 7/8/2009 | 1 |
| 391 | 5438-12 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 220400040 | 12/18/2012 | 1 |
| 392 | 7312-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240100015 | 6/17/2014 | 1 |
| 393 | 7299-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 230900483 | 6/17/2014 | 1 |
| 394 | 6292-13 | Máy rà kim băng chuyền Easement | Máy rà kim | HD-680 | 201202020040 | 9/3/2013 | 1 |
| 395 | 4034-10 | Máy dập nút HOSHIMA | Máy dập nút | HO-808 | 1007031 | 9/20/2010 | 1 |
| 396 | 4035-10 | Máy dập nút HOSHIMA | Máy dập nút | HO-808 | 1007037 | 9/20/2010 | 1 |
| 397 | 3954-10 | Máy dập nút HOSHIMA | Máy dập nút | HO-808 | 1007058 | 8/6/2010 | 1 |
| 398 | 3860-10 | Máy dập nút HOSHIMA | Máy dập nút | HO-808 | 1002717 | 6/24/2010 | 1 |
| 399 | 3957-10 | Máy dập nút HOSHIMA | Máy dập nút | HO-808 | 1007076 | 8/6/2010 | 1 |
| 400 | 2821-08 | Máy ép seam NAWON | Máy ép seam | HTM-3777LD | 804090334 | 5/10/2008 | 1 |
| 401 | 5210-12 | Máy dập nút đồng JAKI | Máy dập nút | JR-808 | J110811128 | 7/11/2012 | 1 |
| 402 | 3938-10 | Bàn hút chân không OKAZAKE | Bàn hút chân không | OZ-250H | 3938-10 | 6/30/2010 | 1 |
| 403 | 345-08 | Bàn hút chân không OKAZAKE | Bàn hút chân không | OZ-250H | 345-08 | 10/18/2008 | 1 |
| 404 | 3941-10 | Bàn hút chân không OKAZAKE | Bàn hút chân không | OZ-250H | 3941-10 | 6/30/2010 | 1 |
| 405 | 4974-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H87949 hộpđt K1SL39762 | 4/23/2012 | 1 |
| 406 | 5000-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H88184 hộpđt J1SL26223 | 4/23/2012 | 1 |
| 407 | 4968-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H87900 hộpđt K1SL36316 | 4/23/2012 | 1 |
| 408 | 4975-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H87962 hộpđt K1SL39463 | 4/23/2012 | 1 |
| 409 | 4986-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H88062 hộpđt J1SL26462 | 4/23/2012 | 1 |
| 410 | 4988-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H88091 hộpđt J1SL26429 | 4/23/2012 | 1 |
| 411 | 4996-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H88155 hộpđt K1SL38487 | 4/23/2012 | 1 |
| 412 | 4976-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H87975 hộpđt K1SL38491 | 4/23/2012 | 1 |
| 413 | 4985-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H88060 hộpđt K1SL36489 | 4/23/2012 | 1 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 414 | 4991-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H88129 hôpđt J1SL26421 | 4/23/2012 | 1 |
| 415 | 4964-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H75495 hôpđt K1SL38482 | 4/23/2012 | 1 |
| 416 | 5001-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H88040 hôpđt K1SL39675 | 4/23/2012 | 1 |
| 417 | 4958-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | H1H75264 hôpđt K1SL36484 | 4/23/2012 | 1 |
| 418 | 4997-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H88165 hôpđt K1SL36491 | 4/23/2012 | 1 |
| 419 | 2371-07 | Máy ép keo băng tải SUMMIT khổ 600mm | Máy ép keo | SR-600ESII | STE-6-3 | 12/15/2007 | 1 |
| 420 | 8108-15 | Máy 1 kim xén SUNSIR | Máy 1 kim xén | SS-T352 | 150731097 | 8/21/2015 | 1 |
| 421 | 1466-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420A-033 | F4199009 | 8/10/2005 | 1 |
| 422 | 1469-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420A-033 | G4111231 | 8/10/2005 | 1 |
| 423 | 1468-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420A-033 | G4111240 | 8/10/2005 | 1 |
| 424 | 294-08 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420B-003 | H7Z75144 | 10/18/2008 | 1 |
| 425 | 1560-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | F4199001 | 10/15/2005 | 1 |
| 426 | 7512-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | J4Z43685 | 12/23/2014 | 1 |
| 427 | 7501-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | F4Z15632 | 12/23/2014 | 1 |
| 428 | 7525-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | J4Z43707 | 12/23/2014 | 1 |
| 429 | 6752-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | L3Z44786 | 2/15/2014 | 1 |
| 430 | 7500-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | F4Z15620 | 12/23/2014 | 1 |
| 431 | 6757-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | L3Z44794 | 2/15/2014 | 1 |
| 432 | 7171-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | B4Z57483 | 5/28/2014 | 1 |
| 433 | 6762-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | L3Z44800 | 2/15/2014 | 1 |
| 434 | 6765-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | L3Z44803 | 2/15/2014 | 1 |
| 435 | 7506-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | H4Z35430 | 12/23/2014 | 1 |
| 436 | 7526-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | J4Z43710 | 12/23/2014 | 1 |
| 437 | 485-QN | Máy 2 kim cố định ô lớn BROTHER | Máy 2 kim điện tử | T-8420C-003 | H2H51651 | 8/1/2013 | 1 |
| 438 | 482-QN | Máy 2 kim cố định ô lớn BROTHER | Máy 2 kim | T-8420C-003 | G2H50921 | 4/18/2013 | 1 |
| 439 | 7373-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | E4Z08595 | 8/12/2014 | 1 |
| 440 | 7442-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | D4Z99868 | 11/21/2014 | 1 |
| 441 | 2189-06 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 2189-06 | 6/1/2006 | 1 |
| 442 | 4096-10 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 4096-10 | 10/25/2010 | 1 |
| 443 | 8112-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 8112-15 | 8/21/2015 | 1 |
| 444 | 2187-06 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 2187-06 | 6/1/2006 | 1 |
| 445 | 3602-10 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 3602-10 | 2/25/2010 | 1 |
| 446 | 8136-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 0039 | 9/14/2015 | 1 |
| 447 | 6471-13 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 6923070090 | 12/12/2013 | 1 |
| 448 | 6474-13 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 6474-13 | 12/12/2013 | 1 |
| 449 | 8099-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 8099-15 | 8/17/2015 | 1 |
| 450 | 2945-05 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 2945-05 | 11/24/2005 | 1 |
| 451 | 2108-97 | Bàn hút chân không FINISHING BOARD có gối | Bàn hút chân không | WHIRLY | Mặt số-035 | 1/1/1997 | 1 |
| 452 | 2109-97 | Bàn hút chân không WHIRLY | Bàn hút chân không | WHIRLY | Mặt số-036 | 1/1/1997 | 1 |
| 453 | 2096-95 | Bàn hút chân không WHIRLY | Bàn hút chân không | WHIRLY | Mặt số-023 | 1/1/1995 | 1 |
| 454 | 2100-95 | Bàn hút chân không WHIRLY | Bàn hút chân không | WHIRLY | Mặt số-027 | 1/1/1995 | 1 |
| 455 | 2105-95 | Bàn hút chân không WHIRLY | Bàn hút chân không | WHIRLY | | 1/1/1995 | 1 |
| 456 | 2099-95 | Bàn hút chân không WHIRLY | Bàn hút chân không | WHIRLY | Mặt số-026 | 1/1/1995 | 1 |
| 457 | 2106-95 | Bàn hút chân không FINISHING BOARD có gối | Bàn hút chân không | WHIRLY | Mặt số-033 | 1/1/1995 | 1 |
| 458 | 2107-95 | bàn hút FINISHING | Bàn hút chân không | WHIRLY | Mặt số-034 | 1/1/1995 | 1 |
| 459 | 2102-95 | Bàn hút chân không WHIRLY | Bàn hút chân không | WHIRLY | Mặt số-029 | 1/1/1995 | 1 |
| 460 | 2111-97 | Bàn hút chân không FINISHING BOARD có gối | Bàn hút chân không | WHIRLY | Mặt số-038 | 1/1/1997 | 1 |
| 461 | 2101-95 | Bàn hút chân không WHIRLY | Bàn hút chân không | WHIRLY | Mặt số-028 | 1/1/1995 | 1 |
| 462 | 2098-95 | Bàn hút chân không WHIRLY | Bàn hút chân không | WHIRLY | BAN | 1/1/1995 | 1 |
| 463 | 4831-12 | Bàn hút chân không YASIMA | Bàn hút chân không | YSM-1580 | YASIMA12 | 3/13/2012 | 1 |
| 464 | 4823-12 | Bàn hút chân không YASIMA | Bàn hút chân không | YSM-1580 | YASIMA4 | 3/13/2012 | 1 |
| 465 | 1012-TM-20 | MÁY ÉP MIỆNG BAO TÂN THANH | Ép miệng bao | | | 1/1/2016 | 1 |
| 466 | 1057-TM-20 | MÁY ÉP MIỆNG BAO TÂN THANH | Ép miệng bao | | | 3/1/2009 | 1 |
| 467 | 47-AP-19 | Bàn hút chân không 3P-HASAKA | Bàn hút chân không | 0 | 11132 | 1/1/2019 | 1 |
| 468 | 308-QN | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007K-W122-356 | 26264031 | 4/2/2015 | 1 |
| 469 | 93-AP-19 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007K-W122-356 | 128254285 | 5/1/2018 | 1 |
| 470 | 311-QN | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007K-W122-356 | 25290660 | 4/2/2015 | 1 |
| 471 | 4917-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2120219 | 4/2/2012 | 1 |
| 472 | 4863-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2114937 | 3/14/2012 | 1 |
| 473 | 4915-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2120215 | 4/2/2012 | 1 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 474 | 4921-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2120224 | 4/2/2012 | 1 |
| 475 | 4845-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2113940 | 3/14/2012 | 1 |
| 476 | 4869-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2115984 | 3/14/2012 | 1 |
| 477 | 4862-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2114936 | 3/14/2012 | 1 |
| 478 | 4873-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2115991 | 3/14/2012 | 1 |
| 479 | 4922-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2120226 | 4/2/2012 | 1 |
| 480 | 4847-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2113943 | 3/14/2012 | 1 |
| 481 | 4874-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2115993 | 3/14/2012 | 1 |
| 482 | 4839-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2113934 | 3/14/2012 | 1 |
| 483 | 4929-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2120285 | 4/2/2012 | 1 |
| 484 | 4846-12 | Máy đánh bông 3K5C KINGTEX | Máy đánh bông 3K5C | CT-9000-0-356M | 2113941 | 3/14/2012 | 1 |
| 485 | 4836-12 | Máy đánh bông Kingtex đầu nhỏ | Máy đánh bông đầu nhỏ | CT-9611-0-356M | 2100233 | 3/14/2012 | 1 |
| 486 | 4408-11 | Máy đóng nút hơi NISHO | Máy dập nút | NH-SB47 | 041209038 | 4/26/2011 | 1 |
| 487 | 6735-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | M3Z57516 | 2/15/2014 | 1 |
| 488 | 6746-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | M3Z57530 | 2/15/2014 | 1 |
| 489 | 3145-02 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007 | 4177547 | 11/1/2002 | 1 |
| 490 | 3133-02 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007 | 4177765 | 11/1/2002 | 1 |
| 491 | 2482-09 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J W122-356/CH | 16178936T | 3/20/2009 | 1 |
| 492 | 2491-09 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J W122-356/CH | C10001796K | 3/20/2009 | 1 |
| 493 | 2496-09 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J W122-356/CH | 16174966J | 3/20/2009 | 1 |
| 494 | 2476-09 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J W122-356/CH | 16178534T | 3/20/2009 | 1 |
| 495 | 1052-05 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CH | 0179356YO | 2/18/2005 | 1 |
| 496 | 1055-05 | Máy đánh bông 3K5C SIRUBA | Máy đánh bông 3K5C | C007J-W122-356/CH | 0179405CO | 2/18/2005 | 1 |
| 497 | 2645-09 | Máy 1 kim xén PEMAL | Máy 1 kim xén | CDL-6200N | 4054297 | 12/3/2009 | 1 |
| 498 | 291-08 | Máy 1 kim xén PEMAL | Máy 1 kim xén | CDL-6200N | 4054304 | 12/16/2008 | 1 |
| 499 | 2653-09 | Máy 1 kim xén PEMAL | Máy 1 kim xén | CDL-6200N | 4054319 | 12/3/2009 | 1 |
| 500 | 2644-09 | Máy 1 kim xén PEMAL | Máy 1 kim xén | CDL-6200N | 4054296 | 12/3/2009 | 1 |
| 501 | 2646-09 | Máy 1 kim xén PEMAL | Máy 1 kim xén | CDL-6200N | 4054298 | 12/3/2009 | 1 |
| 502 | 2649-09 | Máy 1 kim xén PEMAL | Máy 1 kim xén | CDL-6200N | 4054310 | 12/3/2009 | 1 |
| 503 | 2652-09 | Máy 1 kim xén PEMAL | Máy 1 kim xén | CDL-6200N | 4054313 | 12/3/2009 | 1 |
| 504 | 2860-1 | Máy 1 kim xén PEMAL | Máy 1 kim xén | CDL-6200N | 4054306 | | 1 |
| 505 | 474-09 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN87430 | 4/14/2009 | 1 |
| 506 | 4508-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109844 | 6/14/2011 | 1 |
| 507 | 7075-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135008 | 5/26/2014 | 1 |
| 508 | 6824-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133129 | 2/15/2014 | 1 |
| 509 | 5639-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 117794 | 5/16/2013 | 1 |
| 510 | 7127-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135199 | 5/26/2014 | 1 |
| 511 | 7135-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135257 | 5/26/2014 | 1 |
| 512 | 2568-09 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN87171 | 4/14/2009 | 1 |
| 513 | 5671-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 119155 | 5/16/2013 | 1 |
| 514 | 7076-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135009 | 5/26/2014 | 1 |
| 515 | 5651-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 118359 | 5/16/2013 | 1 |
| 516 | 6797-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133030 | 2/15/2014 | 1 |
| 517 | 7109-14 | Máy vắt sổ 2K4 | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135065 | 5/26/2014 | 1 |
| 518 | 4468-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109832 | 6/14/2011 | 1 |
| 519 | 4538-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109838 | 6/14/2011 | 1 |
| 520 | 2573-09 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN87290 | 4/14/2009 | 1 |
| 521 | 5629-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 119123 | 5/16/2013 | 1 |
| 522 | 4503-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109853 | 6/14/2011 | 1 |
| 523 | 7088-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135035 | 5/26/2014 | 1 |
| 524 | 7116-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135074 | 5/26/2014 | 1 |
| 525 | 2574-09 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN87299 | 4/14/2009 | 1 |
| 526 | 3894-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN98248 | 6/18/2010 | 1 |
| 527 | 3920-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN98254 | 6/18/2010 | 1 |
| 528 | 7085-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135030 | 5/26/2014 | 1 |
| 529 | 4517-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109795 | 6/14/2011 | 1 |
| 530 | 5668-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 119142 | 5/16/2013 | 1 |
| 531 | 6840-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133156 | 2/15/2014 | 1 |
| 532 | 6847-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133164 | 2/15/2014 | 1 |
| 533 | 7100-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135053 | 5/26/2014 | 1 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 534 | 7121-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135088 | 5/26/2014 | 1 |
| 535 | 7130-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135216 | 5/26/2014 | 1 |
| 536 | 7101-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135055 | 5/26/2014 | 1 |
| 537 | 7110-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135066 | 5/26/2014 | 1 |
| 538 | 5653-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 118362 | 5/16/2013 | 1 |
| 539 | 3903-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN98236 | 6/18/2010 | 1 |
| 540 | 5632-13 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 119145 | 5/16/2013 | 1 |
| 541 | 3915-10 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN98251 | 6/18/2010 | 1 |
| 542 | 7070-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135002 | 5/26/2014 | 1 |
| 543 | 7077-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135010 | 5/26/2014 | 1 |
| 544 | 4464-11 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN109843 | 6/14/2011 | 1 |
| 545 | 6839-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133155 | 2/15/2014 | 1 |
| 546 | 6850-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | 133187 | 2/15/2014 | 1 |
| 547 | 7097-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135049 | 5/26/2014 | 1 |
| 548 | 7134-14 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | CZ6120-Y5DF | TN135256 | 5/26/2014 | 1 |
| 549 | 354-05 | Bàn hút chân không CHINGHORNG có gối | Bàn hút chân không | CH-809A | 354-05 | 5/6/2005 | 1 |
| 550 | 1377-05 | Bàn hút chân không CHINGHORNG có gối | Bàn hút chân không | CH-809A | 301105/116HL-GAR-04 | 12/8/2005 | 1 |
| 551 | 1372-05 | Bàn hút chân không CHINGHORNG có gối | Bàn hút chân không | CH-809A | 220805HPT-GMSG/HĐ-04 | 11/10/2005 | 1 |
| 552 | 2161-06 | Bàn hút chân không có gối CHINGHORNG | Bàn hút chân không | CH-809A | 2161-06 | 3/10/2006 | 1 |
| 553 | 1376-05 | Bàn hút chân không CHINGHORNG có gối | Bàn hút chân không | CH-809A | 301105/116HL-GAR-03 | 12/8/2005 | 1 |
| 554 | 1374-05 | Bàn hút chân không CHINGHORNG có gối | Bàn hút chân không | CH-809A | 301105/116HL-GAR-01 | 12/8/2005 | 1 |
| 555 | 1370-05 | Bàn hút chân không CHINGHORNG có gối | Bàn hút chân không | CH-809A | 220805HPT-GMSG/HĐ-02 | 11/10/2005 | 1 |
| 556 | 981-05 | Máy 1 kim xén JUKI | Máy 1 kim xén | DLM-5200ND | 2D2YC00222 | 6/25/2005 | 1 |
| 557 | 649-01 | Máy 1 kim xén JUKI | Máy 1 kim xén | DLMD5200N | 45630 | 1/1/2001 | 1 |
| 558 | 646-01 | Máy 1 kim xén JUKI | Máy 1 kim xén | DLMD5200N | DLMDJ46474 | 1/1/2001 | 1 |
| 559 | 356-00 | Bàn hút chân không NaoMoTo | Bàn hút chân không | F3700SB | 20010036 | 1/1/2000 | 1 |
| 560 | 1007-ap-20 | Bàn hút NAOMOTO | Bàn hút chân không | FB-700 | | 1/1/2020 | 1 |
| 561 | 2201-06 | Bàn hút chân không FOCUS | Bàn hút chân không | FC-809A | 0 | 12/1/2006 | 1 |
| 562 | 7302-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 230900492 | 6/17/2014 | 1 |
| 563 | 7418-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240800035 | 9/10/2014 | 1 |
| 564 | 7420-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240800040 | 9/10/2014 | 1 |
| 565 | 7310-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240100012 | 6/17/2014 | 1 |
| 566 | 5434-12 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 220400055 | 12/18/2012 | 1 |
| 567 | 7410-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240800012 | 9/10/2014 | 1 |
| 568 | 7417-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240800033 | 9/10/2014 | 1 |
| 569 | 7311-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240100014 | 6/17/2014 | 1 |
| 570 | 2883-08 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 270100284 | 6/9/2008 | 1 |
| 571 | 2891-08 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 270100291 | 7/11/2008 | 1 |
| 572 | 7425-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240800002 | 9/10/2014 | 1 |
| 573 | 4172-11 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 201200007 | 1/5/2011 | 1 |
| 574 | 2689-09 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 280300087 | 7/8/2009 | 1 |
| 575 | 2691-09 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 281100300 | 7/8/2009 | 1 |
| 576 | 4193-11 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 201200027 | 1/19/2011 | 1 |
| 577 | 7409-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240800009 | 9/10/2014 | 1 |
| 578 | 7416-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240800031 | 9/10/2014 | 1 |
| 579 | 7422-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 230900458 | 9/10/2014 | 1 |
| 580 | 4187-11 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 201200010 | 1/19/2011 | 1 |
| 581 | 7415-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240800029 | 9/10/2014 | 1 |
| 582 | 7428-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 240800027 | 9/10/2014 | 1 |
| 583 | 4185-11 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 201200003 | 1/19/2011 | 1 |
| 584 | 7291-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 230300460 | 6/17/2014 | 1 |
| 585 | 7288-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 230300451 | 6/17/2014 | 1 |
| 586 | 5354-08 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 270100315 | 7/10/2008 | 1 |
| 587 | 7424-14 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 230900500 | 9/10/2014 | 1 |
| 588 | 5425-12 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 210800602 | 12/18/2012 | 1 |
| 589 | 2686-09 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 280300106 | 7/8/2009 | 1 |
| 590 | 2687-09 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 280300111 | 7/8/2009 | 1 |
| 591 | 2854-1 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 270100241 | | 1 |
| 592 | 2882-08 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 270100276 | 6/9/2008 | 1 |
| 593 | 2898-08 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 270100349 | 7/11/2008 | 1 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 594 | 4169-11 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 200400307 | 1/5/2011 | 1 |
| 595 | 4173-11 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 201200008 | 1/5/2011 | 1 |
| 596 | 4184-11 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 201200001 | 1/19/2011 | 1 |
| 597 | 4190-11 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 201200022 | 1/19/2011 | 1 |
| 598 | 5426-12 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 210800606 | 12/18/2012 | 1 |
| 599 | 5430-12 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 220400011 | 12/18/2012 | 1 |
| 600 | 5431-12 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 220400043 | 12/18/2012 | 1 |
| 601 | 4704-11 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 210800648 | 11/30/2011 | 1 |
| 602 | 5334-08 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 270100288 | 7/10/2008 | 1 |
| 603 | 5435-12 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 220400007 | 12/18/2012 | 1 |
| 604 | 4178-11 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 201200028 | 1/5/2011 | 1 |
| 605 | 2886-08 | Máy 1 kim xén TYPICAL | Máy 1 kim xén | GC-6170 | 270100333 | 6/9/2008 | 1 |
| 606 | 6500-13 | Máy 2 kim cố định TYPICAL | Máy 2 kim | GS6842M | 420730402 | 12/18/2013 | 1 |
| 607 | 3863-10 | Máy 1 kim xén HIKARI | Máy 1 kim xén | H5200A | H100424314 | 6/24/2010 | 1 |
| 608 | 5209-12 | Máy 1 kim chân vịt bước ( viền cạo ) Hikari | Máy 1 kim viền cạo bằng | H-628-II | H110622017 | 6/4/2012 | 1 |
| 609 | 6515-13 | Máy lập trình khổ 2210 Hikari | Máy lập trình khổ 2210 | HMS-2210G-01A | 131127099 | 12/19/2013 | 1 |
| 610 | 6510-13 | Máy lập trình khổ 2210 Hikari | Máy lập trình khổ 2210 | HMS-2210G-01A | H131121407 | 12/19/2013 | 1 |
| 611 | 8127-15 | Máy lập trình khổ 2210 Hikari | Máy lập trình khổ 2210 | HMS-2210GB-02A | H04CJ00128 | 9/12/2015 | 1 |
| 612 | 7464-14 | Bàn hút chân không HOSHIMA | Bàn hút chân không | HO-778A | XT-3418 | 12/20/2014 | 1 |
| 613 | 6859-14 | Bàn hút chân không HOSHIMA | Bàn hút chân không | HO-778A | 0682 | 3/18/2014 | 1 |
| 614 | 3855-10 | Máy dập nút HOSHIMA | Máy dập nút | HO-808 | 1002712 | 6/24/2010 | 1 |
| 615 | 3858-10 | Máy dập nút HOSHIMA | Máy dập nút | HO-808 | 1002654 | 6/24/2010 | 1 |
| 616 | 3959-10 | Máy dập nút HOSHIMA | Máy dập nút | HO-808 | 1007052 | 8/6/2010 | 1 |
| 617 | 4033-10 | Máy dập nút HOSHIMA | Máy dập nút | HO-808 | 1006996 | 9/20/2010 | 1 |
| 618 | 3955-10 | Máy dập nút HOSHIMA | Máy dập nút | HO-808 | 1002673 | 8/6/2010 | 1 |
| 619 | 3958-10 | Máy dập nút HOSHIMA | Máy dập nút | HO-808 | | 8/6/2010 | 1 |
| 620 | 2184-06 | Máy gia cố seam Nawon | Máy gia cố seam | HTM2111 | 0 | 7/1/2006 | 1 |
| 621 | 2185-06 | Máy gia cố seam NAWON | Máy gia cố seam | HTM-2111 | 2185-06 | 6/8/2006 | 1 |
| 622 | 2818-08 | Máy ép seam NAWON | Máy ép seam | HTM-3777LD | 804090335 | 5/10/2008 | 1 |
| 623 | 2864-08 | Máy ép seam NAWON | Máy ép seam | HTM-3777LD | 0803130296 | 12/9/2008 | 1 |
| 624 | 4141-10 | Máy ép seam NAWON | Máy ép seam | HTM-3777LDi | 0908040563 | 11/13/2010 | 1 |
| 625 | 4148-10 | Máy ép seam NAWON | Máy ép seam | HTM-3877LD | 1011040677 | 11/24/2010 | 1 |
| 626 | 5423-12 | Máy ép seam NAWON | Máy ép seam | HTM-3888LDI | 1211270196 | 12/7/2012 | 1 |
| 627 | 5379-12 | Máy ép seam NAWON | Máy ép seam | HTM-5588SF-LDI | 0070 | 8/10/2012 | 1 |
| 628 | 4799-12 | Máy vắt sổ 2K4C HIKARI (bờ lớn) | Máy vắt sổ 2K4C | HX6814-03 | '081107028 | 3/15/2012 | 1 |
| 629 | 4806-12 | Máy vắt sổ 2K4C HIKARI (bờ lớn) | Máy vắt sổ 2K4C | HX6814-03 | '090424076 | 3/15/2012 | 1 |
| 630 | 4798-12 | Máy vắt sổ 2K4C HIKARI (bờ lớn) | Máy vắt sổ 2K4C | HX6814-03 | '081107024 | 3/15/2012 | 1 |
| 631 | 4801-12 | Máy vắt sổ 2K4C HIKARI (bờ lớn) | Máy vắt sổ 2K4C | HX6814-03 | '081113037 | 3/15/2012 | 1 |
| 632 | 4800-12 | Máy vắt sổ 2K4C HIKARI (bờ lớn) | Máy vắt sổ 2K4C | HX6814-03 | '081109031 | 3/15/2012 | 1 |
| 633 | 919-95 | Máy xiết đai MING | Máy xiết đai | JIA | 9907087 | 1/1/1995 | 1 |
| 634 | 1244-05 | Máy 1 kim xén SUNSTAR | Máy 1 kim xén | KM-506 | 50304152 | 12/6/2005 | 1 |
| 635 | 1247-05 | Máy 1 kim xén SUNSTAR | Máy 1 kim xén | KM-506 | 50304161 | 12/6/2005 | 1 |
| 636 | 2360-07 | Máy 1 kim xén SUNSTAR | Máy 1 kim xén | KM-506 | 70117958 | 9/4/2007 | 1 |
| 637 | 4546-11 | Máy vắt sổ 2K5C JUKI | Máy vắt sổ 2K5C | MO-2516N | 1024 | 5/10/2011 | 1 |
| 638 | 5527-13 | Máy vắt sổ 2K5C JUKI | Máy vắt sổ 2K5C | MO-6716S | MOFH 11927 | 3/29/2013 | 1 |
| 639 | 5526-13 | Máy vắt sổ 2K5C JUKI | Máy vắt sổ 2K5C | MO-6716S | MOFH 11925 | 3/29/2013 | 1 |
| 640 | 6774-14 | Máy vắt sổ 2K5C JUKI | Máy vắt sổ 2K5C | MO6716S-FF6-50H | 8MOFF13816 | 2/15/2014 | 1 |
| 641 | 6773-14 | Máy vắt sổ 2K5C JUKI | Máy vắt sổ 2K5C | MO6716S-FF6-50H | 8MOFK13592 | 2/15/2014 | 1 |
| 642 | 203-AP-19 | Máy vắt sổ 2K5C JUKI | Máy vắt sổ 2K5C | MOR-2516N | 59079 | 11/1/2010 | 1 |
| 643 | 117-AP-19 | Bàn hút chân không NISHO | Bàn hút chân không | NH-1580BJ | 14ST1339 | 12/1/1988 | 1 |
| 644 | 7718-15 | Bàn hút chân không NISHO | Bàn hút chân không | NH-1580BJ | 14ST1353 | 3/25/2015 | 1 |
| 645 | 1016-AP-20 | Bàn hút chân không NISHO | Bàn hút chân không | NH-1580BJ | 14ST1355 | 1/1/2020 | 1 |
| 646 | 6239-13 | Bàn hút chân không NISHO | Bàn hút chân không | NH-1580BJ | 12ST0293 | 7/8/2013 | 1 |
| 647 | 342-08 | Bàn hút chân không OKAZAKE | Bàn hút chân không | OZ-250H | 342-08 | 10/18/2008 | 1 |
| 648 | 3940-10 | Bàn hút chân không OKAZAKE | Bàn hút chân không | OZ-250H | 3940-10 | 6/30/2010 | 1 |
| 649 | 3943-10 | Bàn hút chân không OKAZAKE | Bàn hút chân không | OZ-250H | 3943-10 | 6/30/2010 | 1 |
| 650 | 5306-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | J1H83053 HĐT K1SL37518 | 6/4/2012 | 1 |
| 651 | 5297-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | J1H82953 HĐT K1SL38323 | 6/4/2012 | 1 |
| 652 | 5309-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | J1H83077 HĐT K1SL36309 | 6/4/2012 | 1 |
| 653 | 5271-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | H1H75531 HĐT K1SL36321 | 6/4/2012 | 1 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 654 | 5260-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | J1H80462 HĐT K1SL37557 | 6/4/2012 | 1 |
| 655 | 5296-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | J1H82952 HĐT K1SL36202 | 6/4/2012 | 1 |
| 656 | 5311-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | J1H83109 HĐT K1SL37266 | 6/4/2012 | 1 |
| 657 | 5314-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | J1H83156 HĐT K1SL36457 | 6/4/2012 | 1 |
| 658 | 5285-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liền trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | J1H82597 HĐT K1SL37253 | 6/4/2012 | 1 |
| 659 | 295-08 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420B-003 | H7Z75151 | 10/18/2008 | 1 |
| 660 | 1561-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420B-003 | F4199017 | 10/15/2005 | 1 |
| 661 | 2510-09 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | L7Z00105 | 4/20/2009 | 1 |
| 662 | 1556-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | F4111232 | 10/15/2005 | 1 |
| 663 | 2504-09 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | C8Z32790 | 4/20/2009 | 1 |
| 664 | 2508-09 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | K5Z05717 | 6/4/2009 | 1 |
| 665 | 1025-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | C5Z43527 | 10/15/2005 | 1 |
| 666 | 2502-09 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | C5Z43529 | 6/4/2009 | 1 |
| 667 | 2505-09 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | C8Z32792 | 4/20/2009 | 1 |
| 668 | 1290-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | F5Z72362 | 12/20/2005 | 1 |
| 669 | 1021-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | C5Z43523 | 10/15/2005 | 1 |
| 670 | 1292-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | F5Z72366 | 12/20/2005 | 1 |
| 671 | 1296-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | H5Z84742 | 12/20/2005 | 1 |
| 672 | 1300-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | J5Z97161 | 12/20/2005 | 1 |
| 673 | 1023-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | C5Z43525 | 10/15/2005 | 1 |
| 674 | 1027-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | C5Z43530 | 10/15/2005 | 1 |
| 675 | 1028-05 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T-8420B-003 | C5Z43531 | 10/15/2005 | 1 |
| 676 | 7531-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | J4Z43723 | 12/23/2014 | 1 |
| 677 | 7366-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | B4Z79515 | 8/12/2014 | 1 |
| 678 | 7362-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | B4Z79508 | 8/12/2014 | 1 |
| 679 | 7364-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | B4Z79513 | 8/12/2014 | 1 |
| 680 | 7358-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | B4Z79502 | 8/12/2014 | 1 |
| 681 | 7360-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | B4Z79505 | 8/12/2014 | 1 |
| 682 | 7369-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | B4Z08599 | 8/12/2014 | 1 |
| 683 | 7371-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | B4Z08617 | 8/12/2014 | 1 |
| 684 | 7509-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | H4Z35441 | 12/23/2014 | 1 |
| 685 | 7173-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | B4Z79447 | 5/28/2014 | 1 |
| 686 | 477-QN | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim điện tử | T-8420C-003 | G2H50923 | 8/1/2013 | 1 |
| 687 | 476-QN | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim điện tử | T-8420C-003 | G2H50933 | 8/1/2013 | 1 |
| 688 | 2515-09 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450B-003 | A9H23134 | 4/20/2009 | 1 |
| 689 | 2517-09 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450B-003 | A9H23115 | 4/20/2009 | 1 |
| 690 | 2518-09 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450B-003 | A9H23135 | 4/20/2009 | 1 |
| 691 | 297-08 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T-8450B-003 | C8Z33016 | 10/18/2008 | 1 |
| 692 | 4431-11 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T-8450B-003 | A9H 23092 | 5/17/2011 | 1 |
| 693 | 296-08 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T-8450B-003 | C8Z33040 | 10/18/2008 | 1 |
| 694 | 1302-05 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T-8450B-003 | CZ543702 | 10/15/2005 | 1 |
| 695 | 1304-05 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T-8450B-003 | C5Z43685 | 10/15/2005 | 1 |
| 696 | 2874-08 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T-8450B-003 | D7Z33292 | 3/11/2008 | 1 |
| 697 | 4434-11 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T-8450C-003 | JQH 57959 | 5/17/2011 | 1 |
| 698 | 7177-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T-8450C-003 | C4Z87813 | 5/28/2014 | 1 |
| 699 | 7181-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T-8450C-003 | C4Z87843 | 5/28/2014 | 1 |
| 700 | 7947-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 001 | 6/11/2015 | 1 |
| 701 | 7952-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 006 | 6/11/2015 | 1 |
| 702 | 8094-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 0028 | 8/5/2015 | 1 |
| 703 | 7328-14 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | | 7/17/2014 | 1 |
| 704 | 8129-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 0032 | 9/14/2015 | 1 |
| 705 | 8130-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 0033 | 9/14/2015 | 1 |
| 706 | 7956-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | | 6/11/2015 | 1 |
| 707 | 2848-08 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 2848-08 | 6/13/2008 | 1 |
| 708 | 3601-10 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 3601-10 | 2/25/2010 | 1 |
| 709 | 3603-10 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 3603-10 | 2/25/2010 | 1 |
| 710 | 4099-10 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 4099-10 | 10/25/2010 | 1 |
| 711 | 4360-11 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 20120478 | 4/19/2011 | 1 |
| 712 | 4361-11 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 20100612 | 4/19/2011 | 1 |
| 713 | 5070-12 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 21120218 | 5/12/2012 | 1 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 714 | 5071-12 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 210900050 | 5/12/2012 | 1 |
| 715 | 5075-12 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 210900122 | 5/12/2012 | 1 |
| 716 | 5076-12 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 210900139 | 5/12/2012 | 1 |
| 717 | 7330-14 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 6923090001 | 7/17/2014 | 1 |
| 718 | 7334-14 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 6923110463 | 7/17/2014 | 1 |
| 719 | 7948-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 002 | 6/11/2015 | 1 |
| 720 | 7949-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 003 | 6/11/2015 | 1 |
| 721 | 7954-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 008 | 6/11/2015 | 1 |
| 722 | 7955-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 009 | 6/11/2015 | 1 |
| 723 | 7967-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 012 | 6/11/2015 | 1 |
| 724 | 7968-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 013 | 6/11/2015 | 1 |
| 725 | 7969-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 014 | 6/11/2015 | 1 |
| 726 | 7970-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 015 | 6/11/2015 | 1 |
| 727 | 6259-13 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 04 | 8/10/2013 | 1 |
| 728 | 5063-12 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 210900127 | 5/12/2012 | 1 |
| 729 | 6855-14 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 90040 | 3/13/2014 | 1 |
| 730 | 8115-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | 8115-15 | 8/18/2015 | 1 |
| 731 | 8093-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | | 8/5/2015 | 1 |
| 732 | 5064-12 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | | 5/12/2012 | 1 |
| 733 | 7332-14 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | | 7/17/2014 | 1 |
| 734 | 7333-14 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | | 7/17/2014 | 1 |
| 735 | 7988-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | | 6/30/2015 | 1 |
| 736 | 7989-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | | 6/30/2015 | 1 |
| 737 | 7992-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | | 6/30/2015 | 1 |
| 738 | 7990-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | TK-808 | | 6/30/2015 | 1 |
| 739 | 32-AP-19 | máy dập nút | Máy dập nút | TK-808 | 0417175 | 6/1/2003 | 1 |
| 740 | 5514-13 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8131078 | 3/11/2013 | 1 |
| 741 | 6539-14 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8133105 | 1/17/2014 | 1 |
| 742 | 6559-14 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8135041 | 1/18/2014 | 1 |
| 743 | 6548-14 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8135085 | 1/17/2014 | 1 |
| 744 | 6551-14 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8133916 | 1/18/2014 | 1 |
| 745 | 6565-14 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8135090 | 1/18/2014 | 1 |
| 746 | 6555-14 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8135028 | 1/18/2014 | 1 |
| 747 | 6561-14 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8135049 | 1/18/2014 | 1 |
| 748 | 6442-13 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8135044 | 12/9/2013 | 1 |
| 749 | 4041-10 | Máy vắt sổ 2K5C K-CHANCE | Máy vắt sổ 2K5C | V-205 | 995470 | 9/30/2010 | 1 |
| 750 | 2698-09 | Máy viền trợ lực K-CHANCE | Máy đánh bông thường | VC-3700P | C213450 | 11/16/2009 | 1 |
| 751 | 4821-12 | Bàn hút chân không YASIMA | Bàn hút chân không | YSM-1580 | | 3/13/2012 | 1 |
| 752 | 4826-12 | Bàn hút chân không YASIMA | Bàn hút chân không | YSM-1580 | | 3/13/2012 | 1 |
| 753 | 7984-15 | Máy 1 kim xén YASIMA | Máy 1 kim xén | YSM-5200 | 140600020 | 6/22/2015 | 1 |
| 754 | 7978-15 | Máy 1 kim xén YASIMA | Máy 1 kim xén | YSM-5200 | 140600009 | 6/22/2015 | 1 |
| 755 | 7973-15 | Máy 1 kim xén YASIMA | Máy 1 kim xén | YSM-5200 | 140600001 | 6/22/2015 | 1 |
| 756 | 7979-15 | Máy 1 kim xén YASIMA | Máy 1 kim xén | YSM-5200 | 140600012 | 6/22/2015 | 1 |
| 757 | 7980-15 | Máy 1 kim xén YASIMA | Máy 1 kim xén | YSM-5200 | 140600013 | 6/22/2015 | 1 |
| 758 | 7974-15 | Máy 1 kim xén YASIMA | Máy 1 kim xén | YSM-5200 | 140600002 | 6/22/2015 | 1 |
| 759 | 2938-05 | Bàn hút chân không NAOMOTO | Bàn hút chân không | 0 | 590065 | 11/24/2005 | 1 |
| 760 | 311-TM-19 | Máy vắt sổ 2K4C YAMATO | Máy vắt sổ 2K4C | 0 | | 1/1/2010 | 1 |
| 761 | 2942-05 | Bàn hút chân không | Bàn hút chân không | 0 | 9502054 | 11/24/2005 | 1 |
| 762 | 178-TM-19 | Bàn hút NAOMOTO | Bàn hút chân không | 0 | | 1/1/2016 | 1 |
| 763 | 2943-05 | Bàn hút chân không | Bàn hút chân không | 0 | 9502056 | 11/24/2005 | 1 |
| 764 | 2939-05 | Bàn hút chân không | Bàn hút chân không | 0 | 9412892 | 11/24/2005 | 1 |
| 765 | 2940-05 | Bàn hút chân không | Bàn hút chân không | 0 | 9412898 | 11/24/2005 | 1 |
| 766 | 7966-15 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | 0 | | 6/11/2015 | 1 |
| 767 | 376-05 | Máy dập nút TAKING | Máy dập nút | 0 | 376-05 | 1/1/2005 | 1 |
| 768 | 1025-AP-20 | Bàn hút NAOMOTO | Bàn hút chân không | 0 | | 1/1/2020 | 1 |
| 769 | 1055-TM-20 | Máy vắt sổ 2K5C Yamato | Máy vắt sổ 2K5C | 0 | 0 | 5/1/2010 | 1 |
| 770 | 263-TM-19 | Máy ép miệng bao | Ép miệng bao | 0 | 0 | 5/1/2009 | 1 |
| 771 | 6744-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | M3Z57527 | 2/15/2014 | 1 |
| 772 | 6736-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | M3Z57517 | 2/15/2014 | 1 |
| 773 | 7468-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | D4Z99860 | 12/23/2014 | 1 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 774 | 7471-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | F3Z56568 | 12/23/2014 | 1 |
| 775 | 7495-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T8450C-003 | J3Z08635 | 12/23/2014 | 1 |
| 776 | 265-09 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 12238 | 3/26/2009 | 1 |
| 777 | 255-09 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC-500/CP-170A | 12074 | 3/26/2009 | 1 |
| 778 | 3687-10 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODA14889 hộpđt GSODC01563 | 5/6/2010 | 1 |
| 779 | 4241-11 | Máy 1 kim điện tử JUKI | Máy 1 kim điện tử | DDL-8700-7-WB/SC920/M92/CP-180A | 4DODF04614 hộp GSODL10693 | 1/25/2011 | 1 |
| 780 | 6575-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOGL05046 | 2/14/2014 | 1 |
| 781 | 7019-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHA14387 | 4/17/2014 | 1 |
| 782 | 7558-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHD03685 hđt HC03059 | 12/23/2014 | 1 |
| 783 | 7564-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHD03811 hđt HC01829 | 12/23/2014 | 1 |
| 784 | 7582-14 | Máy 1 kim điện tử JUKI liên trục | Máy 1 kim điện tử | DDL8700BS-7WBK | 4DOHF10458 | 12/23/2014 | 1 |
| 785 | 5101-12 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | LT2-B845-3 | 80815718 | 5/29/2012 | 1 |
| 786 | 7217-14 | Máy vắt sổ 2K5C JUKI | Máy vắt sổ 2K5C | MO6716S-FF6-50H | 8MOGA15151 | 5/28/2014 | 1 |
| 787 | 7170-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | B4Z57469 | 5/28/2014 | 1 |
| 788 | 7518-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | J4Z43694 | 12/23/2014 | 1 |
| 789 | 7519-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | J4Z43698 | 12/23/2014 | 1 |
| 790 | 7520-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | J4Z43701 | 12/23/2014 | 1 |
| 791 | 7522-14 | Máy 2 kim cố định BROTHER | Máy 2 kim | T8420C-003 | J4Z43703 | 12/23/2014 | 1 |
| 792 | 7185-14 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | T-8450C-003 | C4Z87826 | 5/28/2014 | 1 |
| 793 | 6439-13 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8135035 | 12/9/2013 | 1 |
| 794 | 4043-10 | Máy vắt sổ 2K5C K-CHANCE | Máy vắt sổ 2K5C | V-205 | 996214 | 9/30/2010 | 1 |
| 795 | 4135-10 | Máy vắt sổ 2K5C K-CHANCE | Máy vắt sổ 2K5C | V-205 | 995322 | 11/9/2010 | 1 |
| 796 | 4157-10 | Máy vắt sổ 2K5C K-CHANCE | Máy vắt sổ 2K5C | V-205 | 996984(995684) | 11/29/2010 | 1 |
| 797 | 1009-TM-20 | Máy xổ vải | Máy xổ vải | | | 8/1/2017 | 1 |
| 798 | 01-VPCT-19 | Máy 2 kim di động BROTHER | Máy 2 kim | 0 | 0 | 12/1/1992 | 1 |
| 799 | 7049-14 | Máy ép seam NAWON | Máy ép seam | HTM-3877LDI | 1404290212 | 5/19/2014 | 1 |
| 800 | 4972-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liên trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | K1H87931 hộpđt K1SL38483 | 4/23/2012 | 1 |
| 801 | 5023-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liên trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | H1H75337 hộpđt J1SL26565 | 4/23/2012 | 1 |
| 802 | 5024-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liên trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | H1H75386 hộpđt J1SL26444 | 4/23/2012 | 1 |
| 803 | 5027-12 | Máy 1 kim điện tử BROTHER liên trục | Máy 1 kim điện tử | S-6200DD-403/X-7200C/G10WD | H1H87901 hộpđt J1SL26249 | 4/23/2012 | 1 |
| 804 | 6552-14 | Máy vắt sổ 2K4C KINGTEX | Máy vắt sổ 2K4C | UH-9004-263-M14 | 8135007 | 1/18/2014 | 1 |
| 805 | 7975-15 | Máy 1 kim xén YASIMA | Máy 1 kim xén | YSM-5200 | 140600003 | 6/22/2015 | 1 |

| Theo Chủng loại máy | SL cái |
|---|---|
| Bàn hút chân không | 58 |
| Ép miệng bao | 7 |
| Máy 1 kim điện tử | 182 |
| Máy 1 kim viền cao bằng | 5 |
| Máy 1 kim xén | 92 |
| Máy 2 kim | 105 |
| Máy 2 kim điện tử | 3 |
| Máy cắt di động | 2 |
| Máy cắt đầu bàn | 6 |
| Máy dập nút | 75 |
| Máy đánh bông 3K5C | 52 |
| Máy đánh bông đầu nhỏ | 3 |
| Máy đánh bông thường | 1 |
| Máy ép keo | 2 |
| Máy ép lộn | 1 |
| Máy ép seam | 8 |
| Máy gia cố seam | 2 |
| Máy hút Chỉ, Down | 4 |
| Máy khuy bằng ( thẳng) | 2 |
| Máy lập trình khô 1310 | 1 |
| Máy lập trình khô 2210 | 13 |
| Máy rà kim | 1 |
| Máy vắt sổ 2K4C | 152 |
| Máy vắt sổ 2K5C | 15 |

| | |
|---|---|
| Máy xiết đai | 1 |
| Máy xổ vải | 1 |
| Phụ tùng ngành may ( bộ trợ lực; bộ chuyển đổi điện tử,máy sấy khí, bàn ủi hơi...) | 2 |
| Thiết bị giặt, sấy | 2 |
| Thiết bị in rập, cắt rập, khoan rập, | 3 |
| Thiết bị nâng hạ ( xe nâng, thang nâng, nâng tay) | 4 |
| Grand Total | 805 |